TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:220/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30 - 12 - 2024 V/v "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;
2. Ông Nguyễn Thành Quyến.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXST-HN, ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Phương T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Võ Quốc M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Phương T (Sau đây gọi chị T) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Võ Quốc M (Sau đây gọi anh M) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều việc, mỗi người mỗi ý khác nhau, từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau,

nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được nên đã sống ly thân năm 2023. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có một người con chung tên Võ Ngọc N (Nữ), sinh ngày 11 tháng 02 năm 2014. Từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chưa yêu cầu chồng chị cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Võ Quốc M vắng mặt nên không có lời trình bày:

Tại bản tự khai cháu Võ Ngọc N trình bày (Có sự chứng kiến của chị T): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ Quốc M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện PH, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị và anh M trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh M không chung thủy là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh M vắng mặt, chứng tỏ rằng anh cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa, chị T xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh M và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Có một người con chung. Xét con chung do chị T nuôi dưỡng từ khi hai người ly thân. Chị T có yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh M có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh M mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Lê Phương T và Võ Quốc M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Ngọc N (Nữ), sinh ngày 11 tháng 02 năm 2014 cho Lê Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh M có yêu cầu khác.

Võ Quốc M chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Võ Quốc M mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Lê Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007159, ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã Thạnh Hòa, h. PH, t. Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm